ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:762 /QĐ-UBND	*Cát Hải, ngày 22 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh vào các lớp mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2022-2023 cho các trường học thuộc huyện Cát Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non, Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở (THCS), trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 550/SGDĐT-KTKĐ ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023; Công văn số 2062/SGDĐT-VP-KTKĐ ngày 11/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Hệ thống tuyển sinh đầu cấp ngành giáo dục và đào tạo thành phố năm học 2022-2023; Công văn số 651/UBND-GDĐT ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023;

Căn cứ đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các lớp mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2022-2023 của các đơn vị trường học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu tuyển sinh vào các lớp mầm non, lớp 1 và lớp 6 năm học 2022-2023 cho các Trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở thuộc huyện *(có danh sách và số lượng cụ thể kèm theo).*

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh các trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được giao tổ chức tuyển sinh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 550/SGDĐT-KTKĐ ngày 17/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023; Công văn số 2062/SGDĐT-VP-KTKĐ ngày 11/6/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Hệ thống tuyển sinh đầu cấp ngành giáo dục và đào tạo thành phố năm học 2022-2023; Công văn số 651/UBND-GDĐT ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc hướng dẫn tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI TP HẢI PHÒNG

Nguyễn Quang Vinh

GIAO CHỈ TIÊU VÀ TUYẾN TUYỂN SINH CÁC LỚP MẦM NON NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 762 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Cát Hải)

TT	Trường	Phòng học		Số trẻ điều tra trên địa bàn năm 2022				Số lớp và số trẻ năm học 2022 - 2023											Tuyển tuyển sinh năm học 2022-2023
					Chia ra						Trong đó								
											Tổng số nhóm, lớp				Tổng số học sinh				
		Tổng số	Trong đó số phòng học xây mới	Tổng số	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Trong đó trẻ 5 tuổi	Nội dung	Tổng số nhóm, lớp toàn trường	Tổng số học sinh toàn trường	Nhóm nhà trẻ	Lớp 3 tuổi	Lớp 4 tuổi	Lớp 5 tuổi	Số trẻ nhà trẻ	Số trẻ 3 tuổi	Số trẻ 4 tuổi	Số trẻ 5 tuổi	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
Tổng toàn huyện		**74**	**0**	**1899**	**557**	**1352**	**468**	Tổng	**74**	**1665**	**17**	**18**	**17**	**22**	**345**	**423**	**429**	**468**	
								Số cũ chuyển lên	**57**	**1286**	**3**	**16**	**16**	**22**	**66**	**345**	**406**	**467**	
								Số tuyển mới	**17**	**379**	**14**	**2**	**1**	**0**	**279**	**78**	**23**	**1**	
1	Sơn Ca	13	0	365	99	266	99	Tổng	13	350	3	3	3	4	80	85	86	99	Các Tổ dân phố: 7, 8, 9, 10, 11, 17 và 18 - thị trấn Cát Bà
								Số cũ chuyển lên	10	277	1	2	3	4	25	67	86	99	
								Số tuyển mới	3	73	2	1	0	0	55	18	0	0	
2	3-2	14	0	377	102	275	90	Tổng	14	320	3	4	3	4	54	95	81	90	Các Tổ dân phố: Hùng Sơn, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 12, 13, 14, 15 và 16 - thị trấn Cát Bà.
								Số cũ chuyển lên	11	250	1	3	3	4	11	70	79	90	
								Số tuyển mới	3	70	2	1	0	0	43	25	2	0	
3	Trân Châu	6	0	125	52	83	25	Tổng	6	114	1	2	1	2	31	31	27	25	Xã Trân Châu
								Số cũ chuyển lên	5	87	0	2	1	2	7	29	26	25	
								Số tuyển mới	1	27	1	0	0	0	24	2	1	0	
4	Xuân Đám	4	0	57	15	42	11	Tổng	4	52	1	1	1	1	10	13	18	11	Xã Xuân Đám
								Số cũ chuyển lên	3	41	0	1	1	1	0	12	18	11	
								Số tuyển mới	1	11	1	0	0	0	10	1	0	0	
5	Phù Long	4	0	125	37	88	36	Tổng	4	110	1	1	1	1	22	26	26	36	Xã Phù Long
								Số cũ chuyển lên	3	88	0	1	1	1	5	22	25	36	
								Số tuyển mới	1	22	1	0	0	0	17	4	1	0	
6	Cát Hải	10	0	328	82	246	86	Tổng	10	286	2	2	3	3	50	60	90	86	Thị trấn Cát Hải
								Số cũ chuyển lên	7	209	0	2	2	3	0	50	73	86	
								Số tuyển mới	3	77	2	0	1	0	50	10	17	0	
7	Đồng Bài	4	0	75	24	51	14	Tổng	4	54	1	1	1	1	15	15	10	14	Xã Đồng Bài
								Số cũ chuyển lên	3	38	0	1	1	1	2	13	9	14	
								Số tuyển mới	1	16	1	0	0	0	13	2	1	0	

TT	Trường	Phòng học		Số trẻ điều tra trên địa bàn năm 2022				Số lớp và số trẻ năm học 2022 - 2023											Tuyển tuyển sinh năm học 2022-2023
					Chia ra						Trong đó								
											Tổng số nhóm, lớp				Tổng số học sinh				
		Tổng số	Trong đó số phòng học xây mới	Tổng số	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Trong đó trẻ 5 tuổi	Nội dung	Tổng số nhóm, lớp toàn trường	Tổng số học sinh toàn trường	Nhóm nhà trẻ	Lớp 3 tuổi	Lớp 4 tuổi	Lớp 5 tuổi	Số trẻ nhà trẻ	Số trẻ 3 tuổi	Số trẻ 4 tuổi	Số trẻ 5 tuổi	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
8	Văn Phong	4	0	125	42	83	28	Tổng	4	108	1	1	1	1	25	27	28	28	Xã Văn Phong
								Số cũ chuyển lên	3	93	0	1	1	1	10	27	28	28	
								Số tuyển mới	1	15	1	0	0	0	15	0	0	0	
9	Hoàng Châu	4	0	110	38	72	26	Tổng	4	90	1	1	1	1	18	25	21	26	Xã Hoàng Châu
								Số cũ chuyển lên	3	64	0	1	1	1	0	18	20	26	
								Số tuyển mới	1	26	1	0	0	0	18	7	1	0	
10	Sao Mai	4	0	127	32	95	32	Tổng	4	116	1	1	1	1	25	30	29	32	Xã Nghĩa Lộ + Xã Đồng Bài (thuộc khu tái định cư)
								Số cũ chuyển lên	3	89	0	1	1	1	4	24	29	32	
								Số tuyển mới	1	27	1	0	0	0	21	6	0	0	
11	Việt Hải	2	0	18	8	10	5	Tổng	2	14	1	0	0	1	5	5	0	4	Xã Việt Hải
								Số cũ chuyển lên	2	11	1	0	0	1	2	5	0	4	
								Số tuyển mới	0	3	0	0	0	0	3	0	0	0	
12	Gia Luận	3	0	52	20	32	11	Tổng	3	40	1	0	1	1	8	9	11	12	Xã Gia Luận
								Số cũ chuyển lên	2	32	0	0	1	1	0	7	11	12	
								Số tuyển mới	1	8	1	0	0	0	8	2	0	0	
13	Hiền Hào	2	0	15	6	9	5	Tổng	2	11	0	1	0	1	2	2	2	5	Xã Hiền Hào
								Số cũ chuyển lên	2	7	0	1	0	1	0	1	2	4	
								Số tuyển mới	0	4	0	0	0	0	2	1	0	1	

GIAO CHỈ TIÊU VÀ TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 1 NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 762 /QĐ-UBND, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Cát Hải)

TT	Trường	Phòng học			Số lớp, số học sinh năm học 2021-2022						Số lớp, số học sinh năm học 2022-2023								Tuyển tuyển sinh năm học 2022-2023	Bình quân HS trên lớp	
							Chia ra						Trong đó, số lớp và số HS lớp 1								
							Lớp 1		Lớp 5				Số HS điều tra phổ cập theo tuyển sinh				Chỉ tiêu giao				
														Trong đó chia ra							
		Tổng số	Trong đó số phòng học xây mới	Phòng học lớp 1	Tổng số lớp	Tổng số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Tổng số lớp	Tổng số HS	Tổng số	Hộ khẩu thường trú	Hộ khẩu tạm trú	Chưa có hộ khẩu	Số lớp	Số HS		Toàn trường	Lớp 1
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Tổng toàn huyện		**109**	**0**	**22**	**105**	**2504**	**21**	**481**	**20**	**457**	**105**	**2453**	**420**	**371**	**47**	**2**	**20**	**411**		**23,36**	**20,55**
1	Nguyễn Văn Trỗi	22	0	4	22	708	4	116	4	131	21	673	96	67	28	1	3	96	Tổ dân phố 01 đến Tổ dân phố 9 và Tổ dân phố Hùng Sơn - thị trấn Cát Bà	32,05	32
2	Chu Văn An	12	0	3	12	370	3	89	2	65	12	355	51	42	9	0	2	51	Tổ dân phố 10 đến Tổ dân phố 18 - thị trấn Cát Bà	29,58	25,5
3	Hà Sen	5	0	1	5	76	1	11	1	15	5	70	10	9	1	0	1	10	Thôn Bến, Liên Minh, Phú Cường, Liên Hòa, Minh Châu - Xã Trân Châu	14	10
4	Võ Thị Sáu	5	0	1	5	63	1	7	1	7	5	68	12	10	2	0	1	12	Thôn Hải Sơn - Xã Trân Châu	13,6	12
5	Xuân Đám	5	0	1	5	54	1	12	1	10	5	56	12	10	1	1	1	12	Xã Xuân Đám	11,2	12
6	Gia Luận	5	0	1	5	42	1	9	1	5	5	47	11	11	0	0	1	11	Xã Gia Luận	9,4	11
7	Hiền Hào	5	0	1	5	23	1	4	1	5	5	21	6	6	0	0	1	3	Xã Hiền Hào	4,2	3
8	Phù Long	6	0	1	6	170	1	31	1	28	6	171	28	27	1	0	1	28	Xã Phù Long	28,50	28
9	Đoàn Đức Thái	16	0	3	13	423	2	73	3	91	13	412	81	78	3	0	3	81	Thị trấn Cát Hải	31,69	27
10	Đồng Bài	5	0	1	5	43	1	9	1	6	5	53	17	17	0	0	1	17	Xã Đồng Bài	10,6	17
11	Văn Phong	6	0	2	6	188	2	48	1	33	6	183	23	23	0	0	1	28	Xã Văn Phong	30,50	28
12	Hoàng Châu	5	0	1	5	138	1	26	1	27	5	131	20	18	2	0	1	19	Xã Hoàng Châu	26,2	19
13	Nghĩa Lộ	7	0	1	7	182	1	38	1	29	8	193	50	50	0	0	2	40	Xã Nghĩa Lộ + Xã Đồng Bài (thuộc khu tái định cư)	24,13	20
14	Việt Hải	5	0	1	4	24	1	8	1	5	4	20	3	3	0	0	1	3	Xã Việt Hải	5	3

GIAO CHỈ TIÊU VÀ TUYỂN TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số 762 /QĐ-UBND, ngày 22 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Cát Hải)

TT	Trường	Phòng học			Số lớp, số học sinh năm học 2021-2022						Số lớp, số học sinh năm học 2022-2023						Tuyển tuyển sinh năm học 2022-2023	Bình quân HS trên lớp	
		Tổng số	Trong đó số phòng học xây mới	Phòng học lớp 6	Tổng số lớp	Tổng số HS	Chia ra				Tổng số lớp	Tổng số HS	Trong đó, số lớp và số HS lớp 6					Toàn trường	Lớp 6
							Lớp 6		Lớp 9				HS trong độ tuổi tuyển sinh qua điều tra phổ cập trên địa bàn		Chỉ tiêu giao				
							Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tổng toàn huyện		**66**	**0**	**16,5**	**57**	**1656**	**18**	**436**	**18**	**371**	**72**	**1750**	**18**	**437**	**18**	**455**		**24,31**	**25,28**
1	Cát Bà	20	0	5	5	700	5	189	5	147	20	753	5	194	5	199	Thị trấn Cát Bà; Xã Việt Hải	37,65	39,80
2	Hà Sen	4	0	1	4	70	1	18	1	20	4	65	1	15	1	15	Thôn Bến, Liên Minh, Phú Cường, Liên Hòa, Minh Châu - Xã Trân Châu	16,25	15
3	Võ Thị Sáu	4	0	1	4	52	1	12	1	10	4	49	1	6	1	7	Thôn Hải Sơn - Xã Trân Châu	12,25	7
4	Xuân Đám	4	0	1	4	55	1	13	1	14	4	51	1	10	1	10	Xã Xuân Đám	12,75	10
5	Gia Luận	4	0	1	4	31	1	7	1	8	4	28	1	5	1	5	Xã Gia Luận	7	5
6	Hiền Hào	4	0	1	4	17	1	4	1	4	4	18	1	5	1	5	Xã Hiền Hào	4,5	5
7	Phù Long	4	0	1	4	97	1	33	1	16	4	108	1	27	1	27	Xã Phù Long	27	27
8	Cát Hải	6	0	1,5	12	299	3	73	3	70	12	320	3	78	3	90	Thị trấn Cát Hải	27	30
9	Đồng Bài	4	0	1	4	21	1	5	1	5	4	22	1	6	1	6	Xã Đồng Bài	5,50	6
10	Văn Phong	4	0	1	4	113	1	27	1	32	4	124	1	35	1	35	Xã Văn Phong	31	35
11	Hoàng Châu	4	0	1	4	93	1	28	1	20	4	100	1	27	1	27	Xã Hoàng Châu	25	27
12	Nghĩa Lộ	4	0	1	4	108	1	27	1	25	4	112	1	29	1	29	Xã Nghĩa Lộ + Xã Đồng Bài (thuộc khu tái định cư)	28	29